

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	
CÔNG VĂN ĐIỆN TỬ	
Số:	245/HD-ĐHĐN
Số:	104
ĐẾN	Ngày: 26/01/2026
Chuyên:	
Số và ký hiệu HS:	

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 01 năm 2026

HƯỚNG DẪN

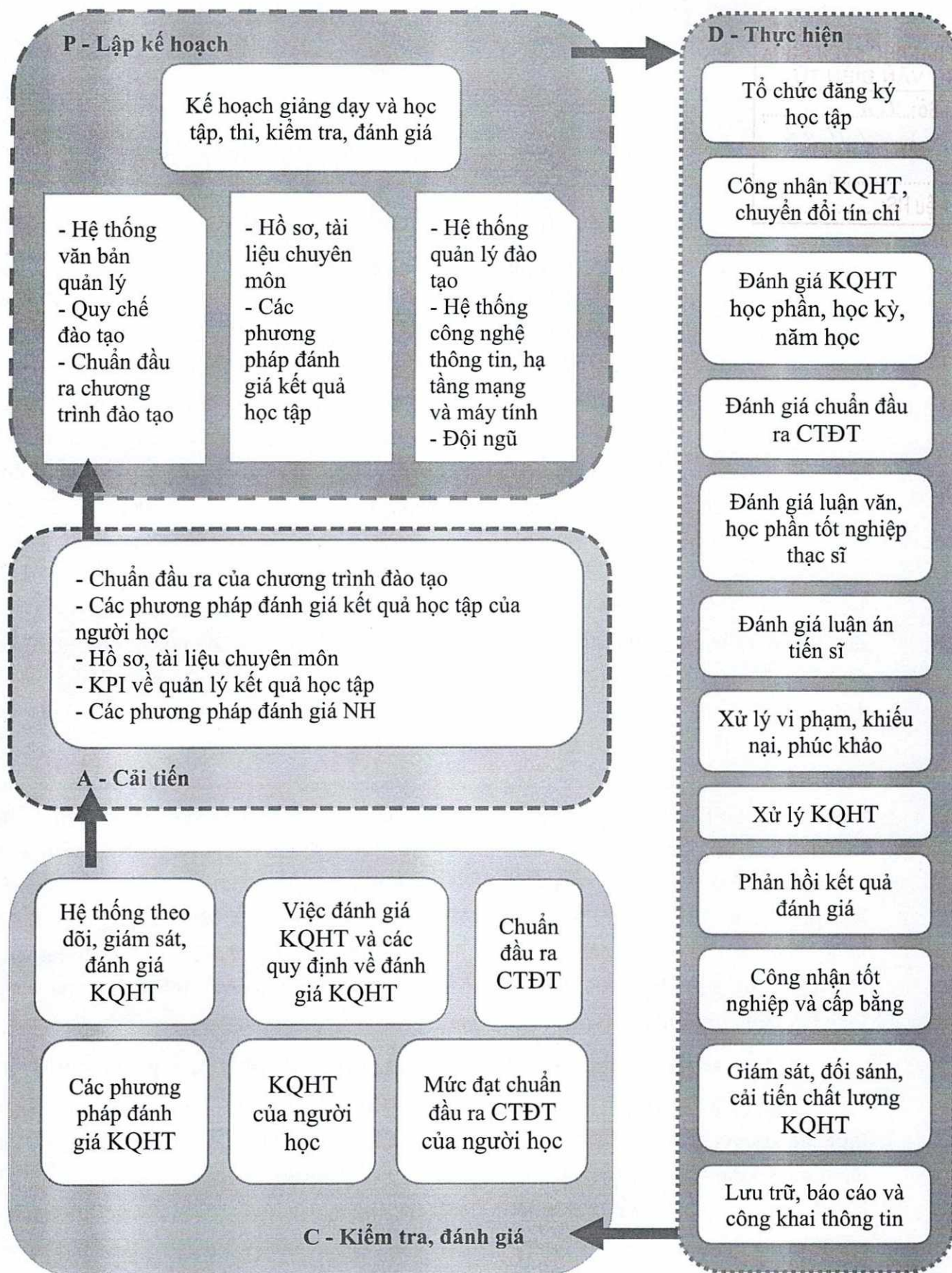
Khung bảo đảm chất lượng kết quả học tập của người học tại Đại học Đà Nẵng

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học; Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/2/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học; Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, Thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học, Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng v/v hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học, Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng, để hỗ trợ cho các trường đại học thành viên, các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc (sau đây gọi tắt là đơn vị) có căn cứ hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục bên trong, Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) hướng dẫn khung bảo đảm chất lượng kết quả học tập của người học. Khung bảo đảm chất lượng kết quả học tập của người học tại Đại học Đà Nẵng mang tính chất hướng dẫn, tham khảo nhằm tạo cơ sở cho các đơn vị thành viên tự chủ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ, đồng thời thúc đẩy văn hóa chất lượng và cải tiến liên tục trong toàn Đại học Đà Nẵng.

1. Chu trình bảo đảm và nâng cao chất lượng kết quả học tập của người học

Bảo đảm và nâng cao chất lượng kết quả học tập (KQHT) của người học được thực hiện theo chu trình PDCA (Plan - Lập kế hoạch, Do - Thực hiện, Check - Kiểm tra, đánh giá và Act - Cải tiến) hay còn gọi là chu trình Deming. Các bước trong Chu trình bảo đảm và nâng cao chất lượng kết quả học tập của người học tại Đại học Đà Nẵng như trong Sơ đồ 1.

a) Xây dựng/rà soát kế hoạch quản lý kết quả học tập của người học (**P - Lập kế hoạch**)



Sơ đồ 1. Chu trình bảo đảm và nâng cao chất lượng kết quả học tập của người học tại Đại học Đà Nẵng

Định kỳ đơn vị cần xây dựng/rà soát kế hoạch đánh giá, quản lý, sử dụng kết quả học tập của người học (sau đây gọi tắt là kế hoạch quản lý KQHT). Các nội dung của Kế hoạch được tích hợp trình bày trong kế hoạch giảng dạy và học tập, thi kiểm tra, đánh giá và các hồ sơ, tài liệu chuyên môn. Căn cứ các quy chế, quy định trong hệ thống văn bản quản lý, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, đội ngũ và các hệ thống hỗ trợ, kế hoạch quản lý KQHT thể hiện được các nội dung:

- Quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ/kế hoạch về đánh giá kết quả học tập của người học.
- Kế hoạch thi, kiểm tra, đánh giá với các học phần, chương trình đào tạo.
- Các phương pháp, phương tiện đánh giá kết quả học tập của người học.
- Hệ thống quản lý đào tạo phù hợp để giám sát, ghi nhận, phản hồi cho người học về KQHT.
- Đội ngũ giảng viên, quản lý và nhân viên trong các hoạt động đánh giá, hỗ trợ quản lý KQHT.

b) Tổ chức thực hiện quản lý kết quả học tập của người học (**D - Thực hiện**)

Đề bảo đảm chất lượng (BDCL) quản lý kết quả học tập, yêu cầu đặt ra là công tác quản lý phải theo quy trình chặt chẽ, phù hợp mục tiêu và đạt hiệu quả. Quy trình quản lý phải bảo đảm từ hoạt động đánh giá đầu vào (tuyển sinh), đánh giá quá trình (thời điểm người học hoàn thành các học phần), đánh giá đầu ra (thời điểm người học tốt nghiệp).

Kết quả học tập của người học là kết quả của quá trình thi, kiểm tra, đánh giá luận văn, luận án. Trong đó, mỗi đợt đánh giá đều bao gồm các hoạt động liên quan như: Xử lý vi phạm, khiếu nại, phúc khảo, xử lý thông tin và phản hồi kết quả đánh giá, giám sát, đối sánh, cải tiến chất lượng KQHT, lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin.

Kết quả học tập được sử dụng làm điều kiện của người học theo tín chỉ đăng ký lớp các học phần, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ.

c) Kiểm tra, đánh giá công tác quản lý kết quả học tập của người học (**C - Kiểm tra, đánh giá**)

Định kỳ, cơ sở giáo dục cần thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học và công tác quản lý kết quả học tập của người học về các nội dung sau:

Việc đánh giá KQHT và các quy định về đánh giá KQHT bảo đảm độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CTĐT) phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo nhóm ngành, phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan. Mức đạt chuẩn đầu ra CTĐT của người học được đo lường đánh giá tại thời điểm người học tốt nghiệp.

Các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng và bảo đảm độ giá trị, độ tin

cậy và sự công bằng, đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Hệ thống theo dõi, giám sát được các chỉ số về KQHT để hỗ trợ người học cải tiến chất lượng học tập, và các bên liên quan cải tiến chất lượng đào tạo.

d) Liên tục cải tiến chất lượng công tác quản lý kết quả học tập của người học (**A - Cải tiến**)

Trên cơ sở kết quả thực hiện trong các báo cáo định kỳ, các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá, đánh giá ngoài, đơn vị rà soát các điểm mạnh, tồn tại của kết quả học tập của người học và có kế hoạch hành động khả thi để cải tiến. Định kỳ, đơn vị có báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai kế hoạch hành động về các nội dung như:

CTĐT thể hiện việc sử dụng kết quả rà soát, đánh giá định kỳ để cải tiến hoạt động dạy và học, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, tiến bộ khoa học kỹ thuật trong đào tạo trực tuyến và thúc đẩy việc học tập, đáp ứng chuẩn đầu ra (CDR) của CTĐT.

Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với CDR của chương trình đào tạo.

Hồ sơ, tài liệu chuyên môn được cải tiến để đáp ứng các quy định và thủ tục, đồng thời tạo sự thuận tiện, rút ngắn thời gian, tăng độ chính xác của việc đánh giá, phản hồi kết quả.

Các chỉ số thực hiện (PI) và các chỉ số thực hiện chính (KPI) về quản lý kết quả học tập được cải tiến để đáp ứng các yêu cầu của các bên liên quan.

Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH được cải tiến để bảo đảm độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CDR.

2. Hướng dẫn thực hiện công tác bảo đảm chất lượng kết quả học tập của người học

Trên cơ sở chu trình bảo đảm và nâng cao chất lượng kết quả học tập của người học ở phần 1, các đơn vị thực hiện rà soát các nội dung theo bảng dưới đây, đánh giá hiện trạng, lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động cần thiết để cải tiến, nâng cao chất lượng kết quả học tập và việc quản lý KQHT của người học.

TT	Hạng mục BDCL	Nội dung cần rà soát và hoạt động cần thực hiện
1	Hệ thống văn bản quản lý	Các văn bản quản lý bao gồm quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ/kế hoạch về quản lý kết quả học tập của người học (NH) qua đánh giá đầu vào, đánh giá quá trình, đánh giá đầu ra CTĐT. Văn bản quản lý cũng bao gồm quy định/quy trình/tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp đánh giá, xây dựng đề thi phù hợp với phương thức đào tạo và tương thích với CDR.

TT	Hạng mục BDCL	Nội dung cần rà soát và hoạt động cần thực hiện
		Có chính sách/quy định/quy trình/hướng dẫn về đánh giá kết quả học tập và phúc khảo kết quả học tập của NH cho tất cả các phương thức đào tạo. Quy định/quy trình/hướng dẫn về thi, kiểm tra và đánh giá, trong đó có quy định về thời điểm phản hồi kết quả đánh giá kết quả học tập của NH. Quy định của đơn vị về đánh giá và tính điểm học phần phải phù hợp các nguyên tắc và yêu cầu: - Nghiêm túc, khách quan, tin cậy và trung thực. - Công bằng đối với tất cả người học trong lớp, giữa các lớp, các khoa học và các hình thức đào tạo. Chính sách/quy định/quy trình/hướng dẫn về đánh giá kết quả học tập và phúc khảo kết quả học tập của NH phải được thể hiện trong Sổ tay NH/Sổ tay giảng viên. Hệ thống văn bản được định kỳ rà soát, đảm bảo tính minh bạch, công khai và dễ tiếp cận.
2	Quy chế đào tạo	<i>* Đối với đào tạo đại học:</i> Quy chế của đơn vị quy định cụ thể về: - Tổ chức đánh giá quá trình học tập, trải nghiệm của sinh viên, bao gồm cả các hoạt động thí nghiệm, thực hành, làm bài tập, trình bày báo cáo như một thành phần của học phần. - Tổ chức thi, kiểm tra, bao gồm quy định về thời gian ôn thi và thời gian thi, việc làm đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo (nếu có), bảo quản bài thi, việc hoãn thi và miễn thi. - Tổ chức đánh giá các học phần, đồ án, khóa luận, thực hành và thực tập và các học phần đặc thù khác. - Việc có yêu cầu ngưỡng điểm đạt phải cao hơn quy định pháp luật hiện hành, việc áp dụng nhiều mức điểm chữ xếp loại hơn quy định pháp luật hiện hành. - Cho phép thi lại, đánh giá lại một điểm thành phần để cải thiện điểm học phần từ không đạt thành đạt. - Cho phép học lại để cải thiện điểm và quy tắc tính điểm chính thức của học phần trong trường hợp điểm học lần sau thấp hơn. - Lựa chọn áp dụng một số điều kiện cảnh báo học tập. - Quy trình, thủ tục cảnh báo học tập (nếu có), buộc thôi học, việc thông báo hình thức áp dụng tới sinh viên. - Việc bảo lưu kết quả học tập đã tích lũy trong trường hợp sinh viên bị buộc thôi học.

TT	Hạng mục BDCL	Nội dung cần rà soát và hoạt động cần thực hiện
		- Quy trình, thủ tục xét và công nhận tốt nghiệp, thời gian và số lần xét tốt nghiệp trong năm. - Việc bảo lưu, công nhận kết quả học tập đã tích lũy đối với sinh viên không tốt nghiệp. - Việc cho phép sinh viên hết thời gian học chính quy được chuyển qua học hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa theo quy định. <i>* Đối với đào tạo Thạc sĩ:</i> Quy chế đào tạo của đơn vị quy định cụ thể về: - Điều kiện, tiêu chí đánh giá, quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ. - Điều kiện, quy trình sinh viên đăng ký học theo quy định. - Thời gian hiệu lực của kết quả học tập để xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ. - Các học phần (hoặc nhóm học phần) và số tín chỉ được công nhận, chuyển đổi theo đối tượng người học và chương trình đào tạo. - Cách đánh giá, tính điểm học phần, việc tổ chức hướng dẫn, thực hiện và đánh giá thực hành, thực tập và chuyên đề nghiên cứu. - Quy định chi tiết về tiêu chí và quy trình đánh giá, thẩm định luận văn, các quy định khác liên quan đến đánh giá luận văn, đề án. - Cách tính điểm trung bình toàn khóa, quy trình xét và công nhận tốt nghiệp, việc bảo lưu, cấp giấy công nhận kết quả học tập đã tích lũy đối với học viên chưa hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp trình độ Thạc sĩ. <i>* Đối với đào tạo Tiến sĩ:</i> Quy chế đào tạo quy định cụ thể về: - Quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập, việc bảo mật danh tính và thông tin cá nhân của người phản biện độc lập luận án Tiến sĩ. - Chi tiết việc đánh giá luận án trong đó bao gồm: yêu cầu đối với nghiên cứu sinh trước khi đánh giá luận án, quy trình thành lập Hội đồng đánh giá luận án, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng, việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng và quy trình tổ chức đánh giá luận án trực tuyến và trực tiếp của đơn vị. - Thời gian, quy trình, thủ tục đối với việc đánh giá luận án lần thứ hai.
3	Chuẩn đầu ra của chương	Kết quả học tập của người học bao gồm kết quả đo lường, đánh giá CĐR học phần, CĐR CTĐT, trong đó CĐR CTĐT phù hợp với yêu cầu về năng lực của NH tốt nghiệp quy định trong Khung trình độ

TT	Hạng mục BDCL	Nội dung cần rà soát và hoạt động cần thực hiện
	trình đào tạo	quốc gia Việt Nam, chuẩn CTĐT của một ngành (hoặc của một nhóm ngành, một lĩnh vực) và quy định hiện hành. CĐR của CTĐT bao gồm các CĐR chung liên quan đến kiến thức, kỹ năng phát triển năng lực học tập suốt đời và CĐR chuyên biệt liên quan đến kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành. Chuẩn đầu ra CTĐT, học phần (HP) được xây dựng đáp ứng nguyên tắc (SMART, WISER...). Bản mô tả chương trình đào tạo có ma trận liên kết giữa CĐR của HP và CĐR của CTĐT, có thể hiện mức độ đóng góp của từng CĐR của HP đến CĐR của CTĐT. CĐR của từng HP được phát biểu rõ ràng và đo lường được, thể hiện sự tương thích với CĐR của CTĐT. Đơn vị xác lập và triển khai một cách nhất quán quy trình/phương pháp đo lường mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Phương pháp và dữ liệu thu thập phản ánh mức độ đạt CĐR của NH tại thời điểm tốt nghiệp. Kế hoạch triển khai đo lường mức độ đạt CĐR của NH, có phân công nhiệm vụ của đơn vị, cá nhân tham gia, phương thức triển khai. CĐR của CTĐT được phổ biến đến các bên liên quan (BLQ), giảng viên (GV) và NH để hiểu rõ về CĐR của CTĐT. CSĐT có quy định, hướng dẫn cách thức giám sát, đo lường mức độ NH đạt được các CĐR ở cấp học phần và cấp CTĐT cho đến thời điểm tốt nghiệp. Mình chứng cho thấy hoạt động đánh giá đạt CĐR được thực hiện định kỳ (theo quy định/theo khóa NH tốt nghiệp), được đối sánh và sử dụng làm cơ sở cho giải pháp/hoạt động cải tiến. Đơn vị thiết lập kế hoạch hành động, các hoạt động để cải tiến mức độ đạt CĐR của HP và CĐR của CTĐT, giám sát kế hoạch cải tiến.
4	Hồ sơ, tài liệu chuyên môn	Định kỳ, CSĐT xây dựng và công bố công khai Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khoá học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Có bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết học phần được ban hành ứng với các phiên bản của CTĐT trong đó thể hiện CTĐT được thiết kế và phát triển bảo đảm có lộ trình giúp NH đạt được CĐR. Các đề cương chi tiết (ĐCCT) HP có thông tin thể hiện sự đa dạng, phù hợp, và tương thích của các phương pháp đánh giá với CĐR của HP.

TT	Hạng mục BDCL	Nội dung cần rà soát và hoạt động cần thực hiện
		Quy trình xây dựng, phát triển CĐR của CTĐT có thể hiện các bước đối sánh với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn CTĐT nhóm ngành. Hồ sơ xây dựng CĐR có phân tích, đối sánh mức độ phù hợp, gắn kết giữa CĐR của CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở trình độ đào tạo cụ thể của CTĐT. Có báo cáo phân tích từng CĐR chung và chuyên biệt đáp ứng các yêu cầu của các BLQ bên trong, các BLQ bên ngoài. Quá trình xây dựng CĐR của CTĐT có thu thập và sử dụng ý kiến của các BLQ bên trong và BLQ bên ngoài. Ý kiến phản hồi của GV, NH, NH đã tốt nghiệp và cán bộ quản lý CTĐT về việc triển khai các chính sách/quy định/quy trình đánh giá kết quả học tập và phúc khảo kết quả học tập của NH.
5	Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH	Có quy định/quy trình hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH tương thích với CĐR của CTĐT, bảo đảm đo lường được mức độ đạt CĐR của CTĐT và CĐR học phần. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH thể hiện sự đa dạng, phù hợp với phương thức đào tạo trong CTĐT. Phương pháp và tiêu chí đánh giá kết quả học tập được thể hiện qua kế hoạch đánh giá HP, bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kế hoạch triển khai đánh giá kết quả học tập bảo đảm đo lường được mức độ đạt CĐR của CTĐT và CĐR học phần của NH, có phân công nhiệm vụ của đơn vị, cá nhân tham gia, phương thức triển khai, ... Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH được phổ biến đến các BLQ, đặc biệt là NH. Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được thể hiện qua bảng tiêu chí đánh giá (rubrics), thang điểm chi tiết, để bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy. Bảng tiêu chí đánh giá, thang điểm chi tiết được công bố đến NH. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập trực tuyến bảo đảm yêu cầu về bảo mật đề thi trực tuyến và chống gian lận trong thi cử. Quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp kiểm tra, đánh giá được thực hiện khoa học, được kiểm chứng trước khi áp dụng và được thông báo công khai cho NH trước khi bắt đầu học mỗi khóa học/kỳ học/học phần. Có các văn bản tổng kết, sơ kết về hiệu quả của các phương pháp kiểm tra, đánh giá được áp dụng trong CTĐT: - Báo cáo phân tích các phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH thể hiện sự tương thích với CĐR của CTĐT.

TT	Hạng mục BDCL	Nội dung cần rà soát và hoạt động cần thực hiện
		- Báo cáo phân tích đánh giá mức độ tương thích của đề thi với CDR của CTĐT. - Báo cáo phân tích phổ điểm, mức độ phân hóa của đề thi các HP. Thực hiện nghiên cứu, phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá NH, sự tác động của các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với chất lượng và hình thức tuyển chọn NH định kỳ bằng các công cụ hiện đại, hiệu quả. Có kết quả phân tích, nghiên cứu các hình thức đánh giá đối với đặc thù mỗi loại môn học/học phần. Chương trình đào tạo thực hiện rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá NH định kỳ ít nhất 1 năm/lần. Định kỳ đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của những phương pháp kiểm tra, đánh giá NH. Đơn vị có thay đổi/cải tiến các phương pháp đánh giá NH đảm bảo tình trạng khiếu nại, phản nản của NH về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập được tiếp nhận và giải quyết.
6	Hệ thống quản lý đào tạo	CSĐT có hệ thống quản lý đào tạo phù hợp để giám sát, ghi nhận được tiến độ, kết quả học tập và khối lượng học tập của NH trong tiến trình học tập. Có đầy đủ quy chế/quy định về hoạt động đào tạo, kiểm tra đánh giá của CSĐT. Có hệ thống giám sát NH gồm phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu (CSDL) đánh giá tiến trình học tập, kết quả học tập và nghiên cứu của NH, thanh tra đào tạo,... Có CSDL về tiến độ học tập của NH (học lại, ngừng học, thôi học,...) CSDL có kết quả đánh giá NH trong cả tiến trình học tập. Các phản hồi và thông tin được thực hiện kịp thời dựa trên CSDL về tiến độ học tập của NH, giúp NH cải thiện việc học tập và kết quả học tập.
7	Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ	Đơn vị công khai quy định việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ. Khối lượng tối đa, yêu cầu của các học phần được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ đáp ứng các yêu cầu theo quy định. Đơn vị quy định các điều kiện để sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) có thể được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại đơn vị.

TT	Hạng mục BDCL	Nội dung cần rà soát và hoạt động cần thực hiện
		Đối với đào tạo Thạc sĩ, đơn vị quy định điều kiện công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ khác hoặc đã tốt nghiệp một chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù theo quy định.
8	Đánh giá và tính điểm học phần	Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Số lượng điểm thành phần cần đánh giá của mỗi học phần, thang điểm đánh giá các điểm thành phần đảm bảo đúng theo quy định hiện hành. Tính trung thực, công bằng và khách quan trong hình thức đánh giá trực tuyến so với đánh giá trực tiếp, trọng số của phần đánh giá trực tuyến đúng theo quy định hiện hành. Đơn vị quy định về xử lý các trường hợp sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng, sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ. Các HP được công bố kết quả đánh giá kịp thời, các trường hợp khiếu nại, phúc tra được xử lý hợp lý. Việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện quy định.
9	Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học	Kết quả học tập được đánh giá dựa trên kết quả các học phần đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây: - Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt, đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy). - Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học, tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy theo quy định. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn theo quy định.

TT	Hạng mục BDCL	Nội dung cần rà soát và hoạt động cần thực hiện
		Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi bảo đảm sự tin cậy, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần, trừ luận văn và học phần tốt nghiệp thực hiện theo quy định. Đơn vị xử lý kỷ luật các trường hợp sau: - Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. - Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ. - Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp.
10	Đánh giá, thẩm định luận văn thạc sĩ, học phần tốt nghiệp chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng	Luận văn được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước. Bảo vệ luận văn cần bảo đảm các yêu cầu: - Danh sách thành viên, tiêu chuẩn, vai trò của các thành viên Hội đồng chấm luận văn. - Điều kiện để học viên được bảo vệ luận văn: Đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình đào tạo, đã nộp luận văn, được người hướng dẫn đồng ý cho bảo vệ, đã hoàn thành các yêu cầu khác theo quy định của đơn vị. - Điều kiện để tổ chức buổi bảo vệ, bảo vệ trực tuyến. - Cách tính điểm, xếp loại luận văn. Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để được đánh giá lần thứ hai, không tổ chức đánh giá luận văn lần thứ ba. Sau khi bảo vệ thành công, toàn văn luận văn phải được nộp và lưu trữ tại thư viện, được công bố trên trang thông tin điện tử theo quy định. Khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu quản lý, đơn vị quyết định việc tổ chức thẩm định chất lượng luận văn. Hội đồng thẩm định luận văn có thành phần, tiêu chuẩn như hội đồng đánh giá luận văn, các thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham gia hội đồng thẩm định. Đánh giá và thẩm định học phần tốt nghiệp chương trình định hướng ứng dụng (đề án) cần bảo đảm: - Đề án được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước. - Các yêu cầu của Báo cáo đề án. - Việc nộp và lưu trữ, công bố trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

TT	Hạng mục BĐCL	Nội dung cần rà soát và hoạt động cần thực hiện
		- Điều kiện của người hướng dẫn. - Danh sách thành viên, điều kiện các thành viên, điều kiện tổ chức buổi bảo vệ. - Đánh giá lần thứ hai trong trường hợp đề án không đạt yêu cầu.
11	Đánh giá luận án tiến sĩ	Đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn cần bảo đảm: - Nghiên cứu sinh đáp ứng đủ yêu cầu: Đã hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ, có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá ở đơn vị chuyên môn, điều kiện về công trình khoa học. - Đơn vị quy định chi tiết việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn. - Phản biện độc lập theo đúng quy định/quy trình và thời gian, việc phản biện độc lập phải bảo đảm khách quan và minh bạch. - Trong trường hợp 02 người phản biện độc lập không đồng ý đơn vị triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai luận án sau bổ sung sửa chữa. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba. - Bảo đảm tính chất độc lập thông tin giữa người phản biện và nghiên cứu sinh. Yêu cầu đánh giá luận án tại cơ sở đào tạo: - Tuân thủ quy định về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật, minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của nghiên cứu sinh và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ. - Yêu cầu về Hội đồng đánh giá luận án: Số lượng thành viên, thành phần Hội đồng, tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu và các tiêu chuẩn khác của thành viên Hội đồng. - Thời gian, địa điểm tổ chức buổi đánh giá luận án, công khai tóm tắt luận án. - Điều kiện tổ chức buổi đánh giá luận án, đánh giá luận án trực tuyến. - Bảo đảm thông tin độc lập giữa nghiên cứu sinh và người hướng dẫn với các thành viên Hội đồng. - Các quy định về bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án. - Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất, không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

TT	Hạng mục BĐCL	Nội dung cần rà soát và hoạt động cần thực hiện
12	Phản hồi kết quả đánh giá	CSĐT thu nhận và xử lý theo quy định ý kiến phản hồi của NH, NH đã tốt nghiệp thông qua nhiều hình thức khác nhau Công khai chính sách/quy định/quy trình/hướng dẫn về đánh giá kết quả học tập và phúc khảo đến NH (trang thông tin điện tử, bản mô tả CTĐT/ĐCCT HP, sổ tay NH, ...) Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời cho NH bảo đảm NH cải thiện việc học tập, phương pháp học tập và kết quả học tập. CSĐT quy định hình thức và bảo đảm việc thông báo kết quả đánh giá tới NH theo các hình thức đã quy định (thông báo, bảng điểm, tài khoản).
13	Giám sát và KPI về quản lý kết quả học tập	Có văn bản quy định/giao nhiệm vụ cho đơn vị/cá nhân thực hiện lập CSDL và tham mưu giải pháp cải thiện KPI về kết quả học tập. Có hệ thống quản lý CSDL KPI về kết quả học tập được cập nhật, bảo đảm thuận tiện trong việc trích xuất CSDL về KPI về kết quả học tập để đối sánh giữa các năm, các khoá, các CTĐT trong CSĐT và với CTĐT của một số CSĐT khác. Có báo cáo tổng kết khoá học/báo cáo hội nghị/hội thảo chuyên đề liên quan đến KPI về kết quả học tập trong chu kỳ đánh giá (trong đó có phân tích thực trạng, nguyên nhân của tồn tại và đề xuất giải pháp khắc phục, cải tiến). Có quy định/văn bản chỉ đạo, điều hành/biên bản cuộc họp cấp Trường/khoa... về thực hiện giải pháp cải thiện mức đạt KPI về kết quả học tập. CSĐT dựa trên gợi ý về Chỉ số thực hiện trong phần Phụ lục, căn cứ mục tiêu và các điều kiện thực tế để xây dựng bộ PI cho đơn vị. Trên cơ sở bộ PI, xây dựng và lựa chọn các KPI để giám sát thường xuyên, đánh giá và cải tiến hoạt động quản lý và chất lượng kết quả người học. Bộ các PI và KPI bảo đảm rõ ràng, đo lường được số lượng và chất lượng kết quả học tập của người học, có tính khả thi, thích hợp, có mốc thời gian thực hiện. Định kỳ theo quy định, đơn vị giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các KPI làm căn cứ đề xuất, điều chỉnh các kế hoạch, phương pháp, phương tiện kiểm tra đánh giá cho từng giai đoạn và bổ sung, điều chỉnh các KPI. Có hệ thống phần mềm quản lý để kết nối nhằm giám sát chặt chẽ giữa các KPI về kết quả học tập của người học với mục tiêu đã xác định của đơn vị.

TT	Hạng mục BĐCL	Nội dung cần rà soát và hoạt động cần thực hiện
14	Việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập	Thực hiện đánh giá đúng theo quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ về các tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp. Kế hoạch triển khai đánh giá có thông tin về tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp, có phân công nhiệm vụ của đơn vị, cá nhân tham gia, phương thức triển khai. Có quy định/quy trình định kỳ rà soát hoạt động đánh giá kết quả học tập về sự tương thích của phương pháp đánh giá với CĐR, độ giá trị, độ tin cậy của phương pháp đánh giá, bảng tiêu chí đánh giá (rubrics), khả năng đo lường được mức độ đạt CĐR... Việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập được định kỳ rà soát có sự tham gia của các BLQ và cải tiến để đáp ứng nhu cầu của các BLQ. Việc đánh giá kết quả học tập đúng theo quy định/quy trình/hướng dẫn/công cụ về đánh giá kết quả học tập của NH đã được ban hành. Thực hiện công khai các tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp (trang thông tin điện tử, bản mô tả CTĐT/ĐCCT HP, sổ tay NH, ...) Có báo cáo phân tích việc đánh giá kết quả học tập và các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH thể hiện sự đo lường được CĐR của CTĐT, đáp ứng nhu cầu của các BLQ. Việc đánh giá người học được cải tiến dựa trên ý kiến phản hồi của GV, NH, NH đã tốt nghiệp và cán bộ quản lý chương trình về việc triển khai các tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá kết quả học tập, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp. Trang thông tin điện tử của CSĐT có thông tin về cập nhật các quy định về đánh giá kết quả học tập.
15	Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp	Kiểm tra kết quả học tập của sinh viên để xét và công nhận tốt nghiệp theo các điều kiện sau: - Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. - Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên. - Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập. Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp trình độ Thạc sĩ:

TT	Hạng mục BĐCL	Nội dung cần rà soát và hoạt động cần thực hiện
		- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn, đề án đạt yêu cầu. - Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp. - Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của đơn vị, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập. Nội dung ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng tốt nghiệp Thạc sĩ thực hiện theo quy định, trong đó phụ lục văn bằng ghi rõ chương trình định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng.
16	Hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả của người học	Có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả của người học trong đó bao gồm tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ học lại, thi lại các môn học/học phần... tỷ lệ có việc làm của NH trong vòng 01 năm sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan (quy trình, phương pháp, công cụ, chỉ số) để thu thập thông tin về chất lượng của NH tốt nghiệp, sự hài lòng đối với chất lượng của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT. Có thực hiện đối sánh chất lượng của NH tốt nghiệp, sự hài lòng của các bên liên quan: tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ có việc làm của NH trong vòng 01 năm sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT (đối sánh tỷ lệ khóa trước, khóa sau của cùng CTĐT, giữa các CTĐT của cơ sở giáo dục, với các CTĐT tương ứng trong nước), dự đoán được thời gian tốt nghiệp trung bình của NH tất cả các CTĐT. Có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp để tăng tỷ lệ tốt nghiệp và chất lượng của NH tốt nghiệp, mức độ hài lòng của các bên liên quan, giảm tỷ lệ thôi học cho tất cả các CTĐT, giảm tỷ lệ học lại, thi lại môn học/học phần.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Ban Đào tạo và Đảm bảo chất lượng giáo dục

- Tham mưu cho Giám đốc Đại học Đà Nẵng về chiến lược, chính sách, và cơ chế triển khai triển khai các nội dung trong Khung bảo đảm chất lượng kết quả học tập của người học tại ĐHĐN.

- Theo dõi, tổng hợp việc thực hiện các nhiệm vụ theo Khung bảo đảm chất lượng kết quả học tập của người học tại các trường đại học thành viên, các đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc ĐHĐN theo quy định.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các trường đại học thành viên, các đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc ĐHĐN tiến hành công tác rà soát, tự đánh giá và đánh giá ngoài, cải tiến chất lượng theo Khung bảo đảm chất lượng kết quả học tập của người học tại ĐHĐN.

Tổng hợp, lưu trữ và khai thác dữ liệu về bảo đảm chất lượng kết quả học tập của người học phục vụ báo cáo.

Chủ trì tổ chức hội nghị, tọa đàm để chia sẻ kinh nghiệm giữa các trường đại học thành viên và các đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc về bảo đảm chất lượng kết quả học tập của người học.

3.2. Các trường đại học thành viên và đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc

Chủ động vận dụng Khung bảo đảm chất lượng kết quả học tập của người học tại ĐHĐN để rà soát, lập kế hoạch, cải tiến và nâng cao chất lượng kết quả học tập của người học tại đơn vị mình. Trong quá trình thực hiện đồng thời thu thập, lưu trữ thông tin và minh chứng phục vụ cho bảo đảm và kiểm định chất lượng, báo cáo và giải trình cho các bên liên quan.

Hướng dẫn triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm chất lượng, kiểm định chất lượng, hệ thống KPI theo Khung bảo đảm chất lượng kết quả học tập của người học tại ĐHĐN cho đơn vị mình.

3.3. Các cá nhân và tổ chức khác theo chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình chủ động, tích cực tham gia thực hiện, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Khung bảo đảm chất lượng kết quả học tập của người học tại ĐHĐN.

Nơi nhận:

- BGĐ ĐHĐN (để b/c),
- Các trường đại học thành viên,
- Các đơn vị đào tạo thuộc, trực thuộc,
- Lưu: VT, ĐTĐBCL.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS. TS. Lê Thành Bắc

Phụ lục
HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG CHỈ SỐ THỰC HIỆN - PI VÀ CHỈ SỐ THỰC HIỆN
CHÍNH - KPI VỀ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC
(Kèm theo Hướng dẫn số 245/HD-ĐHĐN ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Giám đốc
Đại học Đà Nẵng)

TT	Chỉ số thực hiện - PI
1	Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ
2	Điểm trúng tuyển (thang điểm 30) theo ngành đào tạo
3	Điểm trúng tuyển trung bình của người học được tuyển
4	Mức độ hài lòng của các bên liên quan
5	Mức độ người học đạt chuẩn đầu ra CTĐT
6	Số lượng học viên tốt nghiệp cao học
7	Số lượng nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ
8	Số lượng người học nhập học thực tế
9	Số lượng người học tốt nghiệp trong năm, quá hạn $\leq 0,5$ thời gian tiêu chuẩn
10	Số lượng người học tốt nghiệp trong năm, quá hạn 1,5 thời gian tiêu chuẩn
11	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học
12	Số lượng sinh viên tốt nghiệp đại học
13	Số lượng thí sinh dự tuyển
14	Số lượng thí sinh trúng tuyển
15	Số tín chỉ được công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo
16	Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên tốt nghiệp có việc làm
17	Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ
18	Tỷ lệ % sinh viên đạt chuẩn đầu ra CTĐT/Tổng số sinh viên đến thời hạn tốt nghiệp
19	Tỷ lệ % sinh viên nhập học/Chỉ tiêu tuyển sinh
20	Tỷ lệ % sinh viên đạt học phần/Tổng số sinh viên đăng ký HP
21	Tỷ lệ cạnh tranh trong tuyển sinh (số người đăng ký/chỉ tiêu)
22	Tỷ lệ có việc làm phù hợp với chuyên môn và trình độ đào tạo trong 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

TT	Chỉ số thực hiện - PI
23	Tỷ lệ có việc làm phù hợp với chuyên môn và trình độ đào tạo trong 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.
24	Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo
25	Tỷ lệ giữa số luận văn phải thẩm định lại trên tổng số luận văn được đánh giá.
26	Tỷ lệ giữa số sinh viên tốt nghiệp đúng hạn/số nhập học
27	Tỷ lệ giữa số người học tốt nghiệp quá hạn $\leq 0,5$ thời gian tiêu chuẩn/số người nhập học
28	Tỷ lệ giữa số người học tốt nghiệp quá hạn 1,5 thời gian tiêu chuẩn/số người nhập học
29	Tỷ lệ sinh viên học lại, thi cải thiện điểm/Tổng số sinh viên đăng ký HP
30	Tỷ lệ sinh viên thôi học năm đầu/Tổng số sinh viên nhập học
31	Tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm bao gồm cả tự tạo việc làm, khởi nghiệp và học nâng cao trình độ
32	Tỷ lệ phúc khảo trên 1000 bài thi
33	Tỷ lệ sinh viên bị buộc thôi học trên tổng số sinh viên
34	Tỷ lệ sinh viên bị cảnh báo học tập trên tổng số sinh viên
35	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm
36	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp
37	Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay
38	Tỷ lệ sinh viên được học tiếp lên năm học sau (đào tạo theo niên chế)
39	Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng
40	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào
41	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp xếp hạng Xuất sắc, Giỏi, Khá, Trung bình
42	Tỷ lệ sinh viên trả lời về kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp: đáp ứng tốt/ đáp ứng 1 phần / không đáp ứng
43	Tỷ lệ sinh viên vi phạm kỷ luật/Tổng số sinh viên tham gia thi
44	Tỷ lệ sinh viên xếp loại Xuất sắc, Giỏi, Khá, Trung bình, Yếu, Kém

Các đơn vị cần xác định đầy đủ các yếu tố sau cho các PI và KPI: Tên chỉ số, Công thức tính, Nguồn thông tin, Trọng số, Đơn vị tính, Giá trị chỉ số theo Kế hoạch và

Giá trị chỉ số thực hiện được.

Tên chỉ số: Ngắn gọn và phản ánh được bản chất của chỉ số. Ví dụ: Tỷ lệ SV tốt nghiệp.

Công thức tính: Công thức tính PI/KPI từ các tham số đã có. Ví dụ: Tỷ lệ SV tốt nghiệp = Số lượng SV tốt nghiệp trong năm/Số lượng SV tuyển vào của khóa tốt nghiệp trong năm.

Nguồn thông tin: Đơn vị/cá nhân được giao quản lý, cung cấp các thông tin để tính hoặc là giá trị của PI/KPI. Ví dụ: Phòng Đào tạo.

Trọng số: Xác định tỷ lệ các PI/KPI tùy thuộc vào mức độ quan trọng để tính giá trị chung cho nhóm PI/KPI.

Đơn vị tính. Ví dụ: %.

Giá trị chỉ số theo Kế hoạch: Là số hoặc mốc thời gian, thể hiện rõ ràng mục tiêu đạt được theo Đơn vị tính. Ví dụ: 90%.

Giá trị chỉ số thực hiện được: Là số phản ánh kết quả đạt được của việc thực hiện chỉ tiêu. Ví dụ: 93%.

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 01 năm 2026

Hướng dẫn số 245/HD-ĐHĐN ngày 23/01/2026 của Đại học Đà Nẵng về việc Hướng dẫn Khung bảo đảm chất lượng kết quả học tập của người học tại Đại học Đà Nẵng

Kính chuyển²: Ban Giám hiệu

Ý kiến của Ban Giám hiệu²:

- BGM
- D, GLCL - PC (✓)
- Cate drif

Thời hạn hoàn thành:

Ý kiến của lãnh đạo đơn vị chủ trì thực hiện³:

Thời hạn hoàn thành:

Ý kiến của lãnh đạo đơn vị phối hợp thực hiện⁴:

Thời hạn hoàn thành:

Ý kiến đề xuất của người giải quyết⁵:

¹ Phần này dành cho Trường Phòng TCHC: ghi rõ tên của thành viên Ban Giám hiệu sẽ cho ý kiến chỉ đạo đối với văn bản đến này

² Ý kiến phân phối, chỉ đạo giải quyết của Ban Giám hiệu giao đơn vị, cá nhân chủ trì; các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có); thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có) và ngày tháng cho ý kiến phân phối, giải quyết, ký tên.

³ Ý kiến phân phối, chỉ đạo giải quyết của lãnh đạo đơn vị, cá nhân chủ trì giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có) và ngày tháng cho ý kiến, ký tên.

⁴ Ý kiến phân phối, chỉ đạo giải quyết của lãnh đạo đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có) và ngày tháng cho ý kiến, ký tên.

⁵ Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân và ngày tháng đề xuất ý kiến, ký tên.